

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**BỘ TÀI CHÍNH**

**HỌC VIỆN TÀI CHÍNH**

**TÔ VĂN TUẤN**

**GIẢI PHÁP CHỐNG THÁT THU THUẾ THU NHẬP DOANH  
NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**Chuyên ngành: Tài chính - Ngân hàng**

**Mã số: 9.34.02.01**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ**

**HÀ NỘI - 2020**

**Công trình được hoàn thành tại Học viện Tài chính**

*Người hướng dẫn khoa học:* 1. TS. Nguyễn Đình Chiến  
2. TS. Nguyễn Thị Thu Hương

*Phản biện 1:*

*Phản biện 2:*

*Phản biện 3:*

**Luận án sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án cấp Học viện, tại  
Học viện Tài chính**

*Vào hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm 2020*

**Có thể tìm hiểu luận án tại Thư viện Quốc gia  
và Thư viện Học viện Tài chính**

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Trong hệ thống thuế, thuế TNDN là sắc thuế điều tiết trực tiếp vào thu nhập chịu thuế của các doanh nghiệp và thường chiếm tỷ trọng lớn trong tổng thu ngân sách nhà nước. Với mục tiêu chính yếu của các doanh nghiệp là gia tăng lợi nhuận, lợi ích nhận được sau thuế của mình, các doanh nghiệp thường áp dụng các biện pháp khác nhau để tiết kiệm chi phí, giảm số thuế phải nộp cho ngân sách nhà nước, trong đó bao gồm các việc thực hiện các hành vi gian lận thuế, trốn thuế, tránh thuế. Thành phố Hải Phòng là một thành phố cảng và công nghiệp ở miền Bắc Việt Nam và là một thành phố biển nằm trong vùng duyên hải Bắc Bộ. Những năm qua, thực hiện đường lối phát triển kinh tế nhiều thành phần cộng với sự ra đời của Luật doanh nghiệp năm 2005 thì số lượng doanh nghiệp trên địa bàn thành phố đã tăng một cách nhanh chóng. Tại thành phố Hải Phòng, theo các báo cáo tổng kết từ năm 2014 đến 2019 thì thực trạng thất thu thuế TNDN vẫn còn là một vấn đề nan giải do những hạn chế về chính sách, cơ chế và quy trình thực hiện. Do đó, các giải pháp liên quan đến công tác quản lý thuế nói chung, chống thất thu thuế TNDN nói riêng tại thành phố Hải Phòng không chỉ có hiệu quả đối với ngành Thuế thành phố Hải Phòng mà còn là những giải pháp quan trọng có thể áp dụng cho công tác quản lý thuế nói chung ở Việt Nam cũng như ở các địa phương khác. Với những lý do nói trên, có thể nói, đề tài Luận án: **“Giải pháp chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng”** có ý nghĩa khoa học và thực tiễn thiết thực.

### 2. Mục tiêu nghiên cứu

*Mục tiêu tổng quát:* Đề xuất hệ thống giải pháp nhằm chống thất thu thuế TNDN ở thành phố Hải Phòng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

*Mục tiêu cụ thể:*

*Một là,* hệ thống hóa, phát triển và bổ sung thêm những vấn đề lý luận cơ bản thất thu thuế TNDN, làm rõ các hình thức gian lận thuế TNDN của các doanh nghiệp dẫn đến thất thu thuế TNDN, chỉ ra nguyên nhân của thất thu thuế TNDN. Đồng thời, nghiên cứu những vấn đề lý luận về chống thất thu thuế TNDN, chỉ rõ nội dung, nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động chống thất thu thuế TNDN của cơ quan thuế.

*Hai là,* trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về chống thất thu thuế TNDN của một số quốc gia trên thế giới, rút ra những bài học về chống thất thu thuế TNDN ở Việt Nam cũng như đối với công tác quản lý thuế nói chung,

chống thất thu thuế TNDN nói riêng tại Cục Thuế thành phố Hải Phòng.

*Ba là*, phân tích thực trạng gian lận thuế TNDN và chống thất thu thuế TNDN ở thành phố Hải Phòng giai đoạn 2014 – 2019, chỉ ra những thành công, hạn chế và nguyên nhân của hạn chế trong công tác này.

*Bốn là*, đề xuất các giải pháp hữu hiệu nhằm chống thất thu thuế TNDN ở thành phố Hải Phòng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

### **3. Câu hỏi nghiên cứu**

Để đạt được mục tiêu nghiên cứu ở trên, tác giả thực hiện nội dung nghiên cứu tập trung vào trả lời các câu hỏi sau:

(1) Nguyên nhân gây thất thu thuế TNDN và cách thức đo lường mức độ thất thu thuế TNDN như thế nào? Nội dung chủ yếu và các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động chống thất thu thuế TNDN của CQT là gì?

(2) Các biện pháp chống thất thu thuế TNDN ở một số nước trên thế giới và các điều kiện cụ thể để thực hiện các biện pháp này?

(3) Thực trạng tình hình thất thu thuế và TNDN trên địa bàn thành phố Hải Phòng như thế nào?

(4) Cơ quan thuế Hải Phòng đã làm gì để hạn chế thất thu thuế TNDN? Kết quả đạt được đến đâu? Còn những hạn chế gì cần khắc phục và nguyên nhân của nó?

(5) Cơ quan thuế và các cơ quan có liên quan cần làm gì và làm như thế nào để hạn chế thất thu thuế TNDN trên địa bàn thành phố Hải Phòng trong thời gian tới?

### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### **4.1. Đối tượng nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu của luận án là những vấn đề lý luận và thực tiễn về chống thất thu thuế TNDN.

#### **4.2. Phạm vi nghiên cứu**

- Về nội dung: Chống thất thu thuế TNDN bao gồm chống thất thu thuế thực và chống thất thu thuế tiềm năng. Tuy nhiên, trong phạm vi Luận án chỉ đi sâu nghiên cứu về chống thất thu thuế thực.

- Giới hạn về không gian và thời gian: Luận án tập trung đánh giá thực trạng chống thất thu thuế TNDN trên địa bàn thành phố Hải Phòng trong giai đoạn 2014 – 2019. Đồng thời các giải pháp chống thất thu thuế TNDN được tiếp cận ở góc độ quản lý của cơ quan thuế Hải Phòng là chủ yếu.

### **5. Phương pháp nghiên cứu**

Luận án sử dụng phương pháp nghiên cứu tổng quát là phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của Chủ nghĩa Mác – Lênin; các phương

pháp nghiên cứu cụ thể như: tổng hợp, khảo sát, phân tích, đối chiếu, so sánh...

Bên cạnh đó, tác giả đã sử dụng 2 phương pháp phổ biến nhất là: (1) Đánh giá bằng số liệu quản lý thuế; và (2) Đánh giá qua kết quả điều tra, khảo sát bằng bảng câu hỏi.

#### **6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài nghiên cứu**

- Về mặt khoa học, Luận án tập trung hệ thống hóa, bổ sung các vấn đề lý luận về thuế TNDN, về vai trò của thuế TNDN; nghiên cứu làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về thất thu thuế TNDN, các hình thức gian lận thuế TNDN của các doanh nghiệp dẫn đến thất thu thuế TNDN, chỉ ra nguyên nhân của thất thu thuế TNDN, kinh nghiệm quốc tế về chống thất thu thuế TNDN của một số quốc gia trên thế giới.

- Về mặt thực tiễn, Luận án thực hiện vận dụng các lý luận để phân tích thực trạng gian lận thuế TNDN và chống thất thu thuế TNDN trên địa bàn thành phố Hải Phòng, chỉ ra những kết quả đạt được và hạn chế cũng như nguyên nhân của thực trạng trên. Từ đó, Luận án tập trung đề xuất các giải pháp hữu hiệu, có tính khả thi nhằm giảm thiểu thất thu ngân sách nhà nước, góp phần hạn chế tình trạng thất thu trên địa bàn thành phố Hải Phòng trong bối cảnh tình hình kinh tế - xã hội trong những năm tới còn nhiều khó khăn. Các giải pháp chống thất thu thuế TNDN trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực của thế giới, bám sát định hướng, quan điểm mục tiêu hiện đại hóa của ngành Thuế đã được Bộ Tài chính và Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, xuất phát từ thực trạng hoạt động chống thất thu thuế TNDN của thành phố Hải Phòng. Trong đó, việc áp dụng các phương pháp quản lý thuế hiện đại là cách tiếp cận mới trong bối cảnh hiện nay và trong thời gian tới.

#### **7. Kết cấu của Luận án**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, Luận án được chia thành 4 chương:

**Chương 1:** *Tổng quan tình hình nghiên cứu về thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp và chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp.*

**Chương 2:** *Cơ sở lý luận về thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp và chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp.*

**Chương 3:** *Thực trạng thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp và chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2014 – 2019.*

**Chương 4:** *Giải pháp chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.*

## **CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VỀ THẤT THU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP VÀ CHỐNG THẤT THU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

### **1.1. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU**

#### **1.1.1. Các công trình nghiên cứu ở ngoài nước**

Có 08 công trình nghiên cứu ở ngoài nước về thất thu thuế TNDN và chống thất thu thuế TNDN.

#### **1.1.2. Các công trình nghiên cứu ở trong nước**

Trong thời gian qua có nhiều công trình trong nước nghiên cứu về vấn đề thất thu thuế TNDN dưới dạng luận án tiến sĩ kinh tế, các công trình nghiên cứu khoa học hoặc các bài báo khoa học đăng tải trên các tạp chí chuyên ngành. Có 06 Luận án tiến sĩ, 04 đề tài nghiên cứu khoa học có nghiên cứu liên quan đến thất thu thuế và chống thất thu thuế TNDN.

#### **1.1.3. Đánh giá chung về các công trình nghiên cứu khoa học đã công bố liên quan đến đề tài nghiên cứu của luận án**

Nhìn chung, các kết quả nghiên cứu nêu trên có các phạm vi, nội dung, mục tiêu nghiên cứu không đồng nhất với nhau nhưng đều có mối liên hệ nhất định với nhau và gợi mở nhiều nội dung chính có liên quan đến đề tài. Đó đều là những tài liệu tham khảo quan trọng để Luận án kế thừa, phát triển và bổ sung, hoàn thiện cơ sở lý luận về chống thất thu thuế TNDN cũng như nghiên cứu nội dung này ở Việt Nam.

Tóm lại, cơ sở lý luận và thực tiễn về thất thu thuế TNDN và chống thất thu thuế TNDN đã được đề cập đến nhiều trong các công trình nghiên cứu, tuy nhiên có thể khẳng định từ trước đến nay, chưa có công trình khoa học nào đi vào nghiên cứu tổng quan chung về chống thất thu thuế TNDN trên một địa bàn cụ thể và việc lựa chọn đề tài ***“Giải pháp chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng”*** làm đề tài nghiên cứu luận án tiến sĩ kinh tế của tác giả là không trùng lặp với bất kỳ công trình khoa học nào đã công bố.

### **1.2. Khoảng trống cần tiếp tục nghiên cứu**

#### ***Về lý luận:***

Chưa có một công trình nghiên cứu một cách toàn diện, đầy đủ những nội dung lý luận về thất thu thuế TNDN và chống thất thu thuế TNDN trong những năm gần đây, đặc biệt là trong bối cảnh áp dụng đầy đủ cơ chế người nộp thuế tự khai, tự nộp thuế.

#### ***Về thực tiễn:***

*Thứ nhất*, chưa có một nghiên cứu nào một cách đầy đủ về thực trạng thất thu thuế nói chung, thất thu thuế TNDN ở Hải Phòng trong thời gian gần đây.

*Thứ hai*, chưa có công trình nào đề xuất một cách đầy đủ, chi tiết các giải pháp về chống thất thu thuế TNDN trên địa bàn thành phố Hải Phòng trong bối cảnh quản lý thuế giai đoạn từ nay đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

## **CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ THẤT THU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP VÀ CHỐNG THẤT THU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

### **2.1 TỔNG QUAN VỀ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

#### **2.1.1. Khái niệm, đặc điểm của thuế thu nhập doanh nghiệp**

##### **2.1.1.1. Khái niệm**

Thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

##### **2.1.1.2. Đặc điểm**

*Thứ nhất*, thuế TNDN là sắc thuế thuộc loại thuế trực thu, đánh trực tiếp vào thu nhập chịu thuế của các doanh nghiệp.

*Thứ hai*, thuế TNDN phụ thuộc vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp hoặc các nhà đầu tư. Thuế TNDN được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế, nên chỉ khi các doanh nghiệp, các nhà đầu tư kinh doanh có lợi nhuận mới phải nộp thuế TNDN.

*Thứ ba*, thuế TNDN thường áp dụng mức thuế suất tỷ lệ cố định. Khác với thuế thu nhập cá nhân thường được thiết kế biểu thuế suất lũy tiến, thuế suất thuế TNDN thường quy định một mức thuế suất phổ thông nhất định sử dụng cho mọi mức thu nhập và một số mức thuế suất khác với mức thuế suất phổ thông nhưng không dựa trên cơ sở quy mô của thu nhập.

#### **2.1.2. Nguyên tắc, yêu cầu thiết lập thuế thu nhập doanh nghiệp**

##### **2.1.2.1. Nguyên tắc thiết lập thuế thu nhập doanh nghiệp**

Ở các nước tuy có sự khác nhau về phạm vi bao quát, đối tượng áp dụng, các mức thuế suất hoặc các ưu đãi thuế TNDN, nhưng trong cách thiết lập thuế TNDN đều quán triệt các nguyên tắc cơ bản nhất định: *Đánh thuế theo nguyên tắc cư trú; Đánh thuế trên thu nhập đã được khấu trừ chi phí tạo ra thu nhập; Xác định niên độ độc lập khi tính thuế.*

##### **2.1.2.2. Yêu cầu đối với đánh thuế thu nhập doanh nghiệp**

- Thuế TNDN phải bao quát được mọi khoản thu nhập phát sinh trong hoạt động của các doanh nghiệp.

- Thống nhất cách xác định thu nhập chịu thuế.

- Xác định thuế suất thuế TNDN hợp lý.

##### **2.1.3. Vai trò của thuế thu nhập doanh nghiệp**

Ở các nước trên thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng, thuế TNDN giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc đảm bảo nguồn ngân sách nhà nước, đồng thời là công cụ quan trọng của Nhà nước trong việc điều tiết vĩ mô nền

kinh tế và thực hiện phân phối thu nhập.

## **2.2. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ THẤT THU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

### **2.2.1. Khái niệm, các dạng thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp**

#### **2.2.1.1. Khái niệm thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thất thu thuế TNDN là khoản tiền thuế TNDN không thu được vào ngân sách nhà nước từ người nộp thuế theo quy định của pháp luật thuế TNDN, do người nộp thuế chiếm dụng, không nộp đúng, nộp đủ theo quy định và những khoản tiền thuế đáng lẽ được thu vào ngân sách nhà nước nhưng lại không thu được do pháp luật thuế TNDN chưa chặt chẽ hoặc chưa được bao quát hết nguồn thu.

#### **2.2.1.2. Các dạng thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp**

Hiện nay, có nhiều cách phân loại thất thu thuế TNDN, tuy nhiên cách phân loại cơ bản nhất, bao trùm nhất luôn được đề cập đến trong các nghiên cứu đó là dựa vào tính chất của khoản thuế TNDN bị thất thu. Khi đó, thất thu thuế TNDN có thể chia thành hai dạng chính:

- Thất thu thuế TNDN tiềm năng: Là hiện tượng số thu thấp hơn so với khả năng thực tế có thể thu được, là những khoản tiền thuế TNDN thuộc khả năng tiềm tàng trong nền kinh tế đáng lẽ phải được khai thác đóng viên vào NSNN nhưng không được quy định trong Luật thuế TNDN.

- Thất thu thuế TNDN thực: Là hiện tượng số thuế TNDN thực thu thấp hơn số phải thu phát sinh theo quy định, là những khoản tiền thuế TNDN phải thu vào ngân sách nhà nước đã được quy định trong các văn bản luật nhưng thực tế vì lý do nào đó không được nộp vào ngân sách nhà nước. Đó là các khoản thất thu thuế TNDN phát sinh do người nộp thuế cố tình trốn tránh thực hiện nghĩa vụ thuế TNDN hoặc do hoạt động quản lý thuế của cơ quan thuế không thực sự hiệu quả, dẫn đến bỏ lọt đối tượng, bỏ sót số thu thuế TNDN.

### **2.2.2. Nguyên nhân và hậu quả của thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp**

#### **2.2.2.1. Nguyên nhân dẫn đến thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp**

Việc trốn thuế và tránh thuế là hai nguyên nhân quan trọng nhất dẫn đến thất thoát nguồn thu. Những người nộp thuế được coi là trốn thuế khi họ sử dụng những cách thức phi pháp để làm giảm nghĩa vụ thuế của mình. Còn trong trường hợp tránh thuế, người nộp thuế lạm dụng những kẽ hở trong chế độ hiện hành để giảm nghĩa vụ thuế. Những biểu hiện hành vi này của người nộp thuế lại chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố có liên quan lẫn nhau, trong đó có cả nguyên nhân chủ quan lẫn nguyên nhân khách quan xuất phát từ chính sách

thuế, từ cơ quan thuế, từ bản thân người nộp thuế.

### **2.2.2.2. Hậu quả của thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thất thu thuế TNDN sẽ làm cho hiệu quả điều hành nền kinh tế - xã hội của Nhà nước thông qua công cụ thuế bị hạn chế, nhất là trong cơ chế thị trường như hiện nay, không chỉ làm ảnh hưởng đến số thu cho ngân sách nhà nước mà còn không đảm bảo sự cạnh tranh lành mạnh giữa các doanh nghiệp, không thực hiện được yêu cầu công bằng trong chính sách động viên làm suy yếu kỷ cương Nhà nước.

### **2.2.3. Các chỉ tiêu đánh giá mức độ thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp**

Có hai cách tiếp cận thực tế khác nhau để đo lường mức độ thất thu thuế TNDN.

*Cách 1: Xây dựng mô hình tính toán số thu thuế TNDN tiềm năng có khả năng thu được, mức độ tuân thủ và không tuân thủ thuế TNDN (mức độ thất thu thuế TNDN).*

Đối với trường hợp Việt Nam phải dựa vào khái niệm thặng dư hoạt động trong hoạt động kinh doanh và áp dụng chuẩn mực kế toán quốc gia để ước tính số thu tiềm năng từ thuế TNDN và mức độ tuân thủ thuế TNDN. Thặng dư hoạt động tổng (Gross Operating Surplus – GOS) được lấy từ các bảng đầu vào - đầu ra, được sử dụng như là cơ sở để tính toán diện cơ sở chịu thuế TNDN một cách gần đúng. Từ cách tiếp cận thu nhập, GDP được định nghĩa là:

$$GDP = \sum VA = W + GOS + TSP$$

*Trong đó:*

$\sum VA$  = tổng các giá trị gia tăng trong tất cả các ngành kinh tế.

W = mức lương trả cho người lao động, bao gồm lương và các chi phí lao động khác (phí bảo hiểm xã hội do người sử dụng lao động và người lao động đóng).

GOS = tổng thặng dư hoạt động tổng của DN (bao gồm lợi nhuận, tiền thuế, lãi và khấu hao).

TSP = Thuế trừ đi (-) trợ cấp đối với sản phẩm.

Thặng dư hoạt động ước tính (OS), đã trừ đi khấu hao, được sử dụng như một chỉ số gần đúng về diện chịu thuế TNDN. Từ OS tổng (tính dựa trên cơ sở các bảng đầu vào - đầu ra và số liệu GDP chính thức theo từng ngành kinh tế hàng năm), ước tính của phân phối OS theo loại hình doanh nghiệp (nhà nước, phi quốc doanh trong nước và FDI) sẽ được tính ra. Sau đó, ước tính mức tuân thủ thuế TNDN với số tiền thu từ thuế TNDN tiềm năng được ước tính dựa trên mức thuế suất thuế TNDN theo quy định.

*Cách 2: Ước tính mức độ tuân thủ và không tuân thủ thuế TNDN (thất thu thuế TNDN) dựa trên các số liệu về quản lý thuế.*

Trên cơ sở các số liệu về quản lý thuế, mức độ tuân thủ thuế TNDN thường được ước tính cho ba giai đoạn chính hay cho các chức năng quản lý thuế chính (kê khai thuế, tính thuế, và nộp thuế/thu thuế).

*Tuân thủ về kê khai thuế TNDN:*

Mức độ tuân thủ về nộp tờ khai thuế TNDN có thể được chia thành ba chi số khác nhau. Đầu tiên là tuân thủ trong nộp tờ khai của người nộp thuế. Chi số này đo lường tỷ lệ giữa số tờ khai được nộp và số người nộp thuế thực tế được đăng ký tại cơ quan thuế. Các tờ khai được nộp có thể bao gồm cả tờ khai nộp đúng hạn và tờ khai chậm nộp. Thứ hai, là tuân thủ trong việc nộp tờ khai đúng hạn, được đo bằng tỉ lệ giữa số tờ khai nộp đúng hạn trên tổng số tờ khai đã được nộp. Thứ ba là mức độ tuân thủ trong nộp tờ khai nói chung tổng hợp, là tỉ lệ giữa số tờ khai đã nộp đúng hạn trên tổng số người nộp thuế đã đăng ký. Mức độ tuân thủ kê khai nói chung tổng hợp này được ước tính là kết quả của hai chi số đầu tiên.

Tuân thủ về kê khai thuế TNDN là nói đến việc kê khai trung thực các chi tiêu trong hồ sơ khai thuế TNDN theo biểu mẫu quy định. Bên cạnh việc nộp hồ sơ khai thuế đầy đủ, đúng hạn, việc kê khai đầy đủ các chi tiêu theo quy định cũng được sử dụng để đánh giá việc tuân thủ trong kê khai thuế của NNT. Tuân thủ trong kê khai có thể được phát hiện trong quá trình tính và kê toán thuế. Việc tuân thủ trong nộp tờ khai thuế TNDN mới chỉ phản ánh được phần nổi trong tuân thủ thuế, chưa đo lường được chiều sâu tuân thủ thuế TNDN.

*Tuân thủ về tính thuế TNDN:*

Nếu tuân thủ trong thủ tục kê khai thuế TNDN chỉ xem xét đến số tờ khai đã nộp, số tờ khai nộp đúng hạn thì tuân thủ về tính thuế TNDN nói đến việc kê khai trung thực các căn cứ tính thuế. Tuân thủ trong tính thuế TNDN là việc NNT kê khai đầy đủ, trung thực, chính xác các căn cứ tính thuế TNDN phù hợp với thực tiễn hoạt động SXKD của mình phát sinh trong kỳ tính thuế. Tuân thủ trong tính thuế TNDN có thể được phát hiện trong quá trình thanh tra, kiểm tra thuế TNDN. Tuân thủ trong tính thuế TNDN là chỉ tiêu phản ánh cơ bản nhất mức độ tuân thủ thuế TNDN. Tuy nhiên, cách đo lường mức độ tuân thủ này có chính xác hay không phụ thuộc nhiều vào các dữ liệu được sử dụng để ước tính doanh thu kê khai của người nộp thuế.

*Tuân thủ trong nộp thuế TNDN:* Mức độ tuân thủ trong nộp thuế TNDN là nói đến việc nộp thuế TNDN đúng thời hạn theo quy định của pháp luật. Mức độ tuân thủ này được định nghĩa là tỉ lệ giữa số thuế TNDN được nộp đúng hạn

và toàn bộ số thuế TNDN mà người nộp thuế phải nộp.

Trong khuôn khổ Luận án này, để đánh giá thực trạng thất thu thuế TNDN và chống thất thu thuế TNDN trên địa bàn thành phố Hải Phòng, tác giả đã sử dụng phương pháp đánh giá thất thu thuế TNDN bằng số liệu quản lý thuế. Sau đó, phân tích dữ liệu quản lý thuế để đo lường mức độ thất thu thuế TNDN trong các chức năng chủ chốt, đặc biệt là khai thuế, tính thuế và nộp thuế TNDN. Bên cạnh đó, tác giả còn sử dụng việc điều tra, khảo sát các đối tượng có liên quan gồm công chức thuế và các doanh nghiệp trong nhìn nhận, đánh giá mức độ thất thu thuế TNDN, các nhân tố ảnh hưởng đến thất thu thuế TNDN để có thêm những thông tin thực tiễn phục vụ cho việc phân tích mức độ, nguyên nhân gây thất thu thuế TNDN tại thành phố Hải Phòng trong thời gian vừa qua.

### **2.3. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CHỐNG THẤT THU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

**2.3.1. Khái niệm, bản chất của chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp**

#### **2.3.1.1. Khái niệm**

Chống thất thu thuế TNDN được hiểu là hoạt động của cơ quan thuế và các cơ quan có liên quan tác động đến các chủ thể và các hành vi gây ra thất thu thuế TNDN nhằm phát hiện, ngăn ngừa và xử lý kịp thời, hạn chế và tiến tới xóa bỏ tình trạng thất thu thuế TNDN.

#### **2.3.1.2. Bản chất chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp**

- Chống thất thu thuế TNDN là hoạt động quan trọng của cơ quan thuế trong quản lý thu thuế nói chung, quản lý thu thuế TNDN nói riêng.

- Chống thất thu thuế TNDN là công việc rất khó khăn, phức tạp đòi hỏi năng lực quản lý tốt của cơ quan thuế cũng như sự phối hợp của các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

- Chống thất thu thuế TNDN mang tính phổ biến xảy ra ở bất kỳ chế độ xã hội nào và bất kỳ thời gian nào.

- Chống thất thu thuế TNDN xảy ra thường xuyên ở hầu hết các lĩnh vực kinh tế công nghiệp, thương mại, dịch vụ, các khu vực kinh tế nhà nước và ngoài nhà nước, thậm chí xảy ra ở từng người nộp thuế và từng khâu của quá trình quản lý thu thuế.

- Chống thất thu thuế TNDN phải toàn diện từ doanh thu chịu thuế, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh đến chính sách miễn giảm thuế.

#### **2.3.2. Nội dung chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp**

##### **2.3.2.1. Chống thất thu thuế tiềm năng**

Là việc hoàn thiện pháp luật thuế TNDN, đảm bảo Luật thuế này quản lý, điều tiết được tất cả các khoản thu nhập đã mang và sẽ phát sinh trong tất cả quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Nội dung chống thất thu thuế tiềm năng thường được trực tiếp thực hiện bởi cơ quan lập pháp khi nghiên cứu, ban hành các quy định pháp luật về thuế.

#### **2.3.2.2. Chống thất thu thuế thực**

Các nội dung chủ yếu trong chống thất thu thuế thực thông qua việc tổ chức thực hiện các chức năng quản lý thuế của cơ quan thuế, bao gồm chống thất thu qua các hoạt động: Tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế; quản lý kê khai thuế của người nộp thuế; quản lý quá trình thu nộp thuế, quản lý nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế; thanh tra, kiểm tra thuế.

#### **2.3.3. Các yếu tố ảnh hưởng tới chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp**

##### **2.3.3.1. Nhóm yếu tố khách quan**

*Thứ nhất*, tình hình kinh tế - xã hội; *Thứ hai*, đặc điểm của nền kinh tế; *Thứ ba*, chính sách, pháp luật; *Thứ tư*, việc ban hành và thực hiện các quy trình quản lý thuế; *Thứ năm*, công tác hạch toán, kế toán và quản lý, sử dụng hóa đơn, chứng từ; *Thứ sáu*, nhận thức của chủ doanh nghiệp và trình độ của kế toán doanh nghiệp.

##### **2.3.3.2. Nhóm yếu tố chủ quan**

*Thứ nhất*, việc triển khai thực hiện các quy trình quản lý thuế; *Thứ hai*, ứng dụng công nghệ thông tin vào các công cụ hỗ trợ quản lý thuế; *Thứ ba*, sự phối hợp của các cơ quan hữu quan với cơ quan thuế; *Thứ tư*, trình độ nghiệp vụ, đạo đức của cán bộ làm công tác quản lý thuế; *Thứ năm*, tính hiệu quả của việc tổ chức thực hiện các chức năng quản lý thuế.

### **2.4. KINH NGHIỆM CHỐNG THẤT THU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP Ở MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI VÀ CÁC BÀI HỌC RÚT RA**

#### **2.4.1. Kinh nghiệm chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp ở một số nước trên thế giới**

Trong phạm vi nghiên cứu của mình, Luận án đề cập đến kinh nghiệm của các quốc gia trong việc thực hiện các nội dung của hoạt động quản lý thuế nhằm chống thất thu thực thuế TNDN, bao gồm:

- Chống thất thu thuế TNDN qua xây dựng mô hình quản lý thuế TNDN và phương thức khai, nộp thuế TNDN.
- Chống thất thu thuế TNDN qua công tác quản lý và xử lý nợ thuế.
- Chống thất thu thuế TNDN qua công tác thanh tra, kiểm tra thuế.

- Chống thất thu thuế TNDN qua công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế.

- Chống thất thu thuế TNDN qua công tác xử phạt vi phạm pháp luật về thuế.

#### **2.4.2. Các bài học rút ra**

*Một là*, về mô hình tổ chức thực hiện; *Hai là*, triển khai thực hiện quyết liệt các biện pháp đôn đốc thu nợ và cưỡng chế thu nợ thuế TNDN theo đúng trình tự pháp luật; *Ba là*, phải coi trọng và nâng cao hiệu quả chất lượng công tác thanh tra, kiểm tra thuế TNDN bằng nhiều biện pháp; *Bốn là*, cần phát huy vai trò của công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế; *Năm là*, hiện đại hóa công tác quản lý thuế trên cơ sở áp dụng hệ thống công nghệ thông tin gắn với hiện đại hóa hạ tầng kỹ thuật.

### **CHƯƠNG 3: THỰC TRẠNG THẤT THU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP VÀ CHỐNG THẤT THU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG GIAI ĐOẠN 2014 - 2019**

#### **3.1. TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ THU THUẾ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG GIAI ĐOẠN 2014 – 2019**

##### **3.1.1. Khái quát về đặc điểm kinh tế - xã hội và các doanh nghiệp tại thành phố Hải Phòng**

###### ***3.1.1.1. Khái quát về đặc điểm kinh tế - xã hội của thành phố Hải Phòng***

- Hải Phòng là thành phố ven biển nằm ở phía Đông Bắc Bộ, cách thủ đô Hà Nội 102 km, có tổng diện tích tự nhiên là trên 152.300 ha, chiếm 0,45% diện tích tự nhiên của cả nước. Thành phố Hải Phòng ngày nay bao gồm 15 đơn vị hành chính trực thuộc gồm 7 quận (Hồng Bàng, Lê Chân, Ngô Quyền, Kiến An, Hải An, Đồ Sơn, Dương Kinh) và 8 huyện (An Dương, An Lão, Bạch Long Vĩ, Cát Hải, Kiến Thụy, Tiên Lãng, Thủy Nguyên, Vĩnh Bảo). Dân số thành phố hiện nay là trên 2.028.514 người, trong đó số dân thành thị là trên 935.303 người và số dân ở nông thôn là trên 1.093.211 người. Mật độ dân số 1.299 người/km<sup>2</sup>.

- Một số kết quả của thành phố Hải Phòng đã đạt được về phát triển kinh tế - xã hội; hoạt động thương mại, dịch vụ; đầu tư phát triển; quản lý và phát triển doanh nghiệp.

###### ***3.1.1.2. Khái quát về các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng***

Với vị trí địa lý và môi trường đầu tư thuận lợi, thành phố Hải Phòng là điểm đến hấp dẫn của nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước trong nhiều năm qua. Số lượng các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng tăng dần qua các năm từ năm 2014 đến năm 2019 với tỷ lệ tăng trưởng bình quân các năm là 11,66%. Điều này chứng tỏ sự phát triển mạnh mẽ về số lượng, quy mô hoạt động đối với các doanh nghiệp trên địa bàn.

###### ***3.1.2. Tổ chức quản lý thu thuế tại thành phố Hải Phòng***

###### ***3.1.2.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy Cục Thuế thành phố Hải Phòng***

Cục Thuế thành phố Hải Phòng được thành lập từ ngày 01/10/1990, là tổ chức trực thuộc Tổng cục Thuế, có chức năng tổ chức thực hiện công tác quản lý thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác của ngân sách nhà nước thuộc phạm vi nhiệm vụ của ngành Thuế trên địa bàn thành phố Hải Phòng theo quy định của pháp luật. Cục Thuế thành phố Hải Phòng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn,

trách nhiệm theo quy định của Luật Quản lý thuế, các Luật thuế, các quy định pháp luật có liên quan khác theo Quyết định số 1836/QĐ-BTC ngày 08/10/2018 ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thuế trực thuộc Tổng cục Thuế. Mô hình tổ chức bộ máy của Cục Thuế thành phố Hải Phòng được cơ cấu với người đứng đầu là Cục trưởng, 01 Phó Cục trưởng được phân công theo dõi, kiểm tra công tác của các phòng chức năng do Cục trưởng phân công.

Trước ngày 01/06/2019, Văn phòng Cục Thuế thành phố Hải Phòng có 14 phòng ban chức năng. Kể từ ngày 1/6/2019, tổ chức sắp xếp lại bộ máy tổ chức giảm từ 14 phòng xuống còn 13 phòng chức năng nhằm cụ thể hóa Nghị quyết 18-NQ/TW. Nhiệm vụ của các phòng chức năng được quy định tại Quyết định số 211/QĐ-TCT ngày 12/03/2019 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các Phòng và Văn phòng thuộc Cục Thuế.

Trước ngày 07/10/2019, Cục Thuế thành phố Hải Phòng có 15 Chi cục Thuế trực thuộc đặt ở 15 quận, huyện của thành phố. Các Chi cục Thuế có chức năng và nhiệm vụ được thực hiện theo Quyết định số 110/QĐ-BTC ngày 14/01/2019 của Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Thuế quận, huyện, thị xã, thành phố và chi cục Thuế khu vực trực thuộc Cục Thuế tỉnh, thành phố.

Kể từ ngày 07/10/2019, thực hiện Quyết định số 1878/QĐ-BTC ngày 20/09/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hợp nhất 08 Chi cục Thuế quận, huyện thuộc Cục Thuế thành phố Hải Phòng thành 04 Chi cục Thuế khu vực và đổi tên gọi như sau: Chi cục Thuế quận Đồ Sơn và Chi cục Thuế huyện Kiến Thụy hợp nhất thành Chi cục Thuế khu vực Đồ Sơn - Kiến Thụy; Chi cục Thuế huyện Vĩnh Bảo và Chi cục Thuế huyện Tiên Lãng hợp nhất thành Chi cục Thuế khu vực Vĩnh Bảo – Tiên Lãng; Chi cục Thuế quận Kiến An và Chi cục Thuế huyện An Lão hợp nhất thành Chi cục Thuế khu vực Kiến An – An Lão; Chi cục Thuế quận Hồng Bàng và Chi cục Thuế huyện An Dương hợp nhất thành Chi cục Thuế khu vực Hồng Bàng – An Dương.

Kể từ ngày 02/03/2020, thực hiện Quyết định số 2801/QĐ-BTC ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hợp nhất 04 Chi cục Thuế quận, huyện thuộc Cục Thuế thành phố Hải Phòng thành 02 Chi cục Thuế khu vực và đổi tên gọi như sau: Chi cục Thuế quận Lê Chân và Chi cục Thuế quận Dương Kinh hợp nhất thành Chi cục Thuế khu vực Lê Chân – Dương Kinh; Chi cục Thuế quận Ngô Quyền và Chi cục Thuế quận Hải An hợp nhất thành Chi cục Thuế khu vực Ngô Quyền – Hải An.

Như vậy, hiện nay Cục Thuế thành phố Hải Phòng có 03 Chi cục Thuế các huyện (huyện Thủy Nguyên, huyện Cát Hải, huyện đảo Bạch Long Vỹ) và 06 Chi cục Thuế khu vực như trên. Các Đội trực thuộc Chi cục Thuế sẽ thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo Quyết định số 245/QĐ-TCT ngày 25/03/2019 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế quy định chức năng, nhiệm vụ của các Đội thuộc Chi cục Thuế.

### ***3.1.2.2. Kết quả thu thuế tại Cục Thuế thành phố Hải Phòng***

Với nỗ lực phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch thu hàng năm, Cục Thuế thành phố Hải Phòng đã có nhiều biện pháp để quản lý, đôn đốc người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước. Công tác quản lý thu thuế đối với các doanh nghiệp tại thành phố Hải Phòng ngày càng được thay đổi theo hướng tích cực được thể hiện qua kết quả thu ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2014 – 2019. Đóng góp vào kết quả thu thuế trên địa bàn thành phố trong thời gian qua, thuế TNDN là khoản thu đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong tổng thu ngân sách nhà nước. Kết quả thu ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng từ thuế TNDN giai đoạn 2014 – 2019 cho thấy, số thu thuế TNDN từ các doanh nghiệp qua các năm luôn chiếm tỷ trọng tương đối cao trong cơ cấu thu của Cục Thuế thành phố Hải Phòng, đảm bảo số thu cho ngân sách nhà nước và luôn có chiều hướng gia tăng trong bối cảnh nền kinh tế trong nước gặp nhiều khó khăn thách thức do ảnh hưởng bởi kinh tế thế giới và có sự điều chỉnh giảm mức thuế suất thuế TNDN từ 25% xuống còn 20%. Trong những năm qua, tổng dự toán thu theo pháp lệnh của thành phố Hải Phòng được giao năm sau luôn cao hơn năm trước. Kết quả thu thuế TNDN trong giai đoạn 2014 – 2019 hầu như luôn hoàn thành pháp lệnh vượt mức dự toán và số thu năm sau cao hơn số thu năm trước thể hiện sự cố gắng phấn đấu hoàn thành kế hoạch của Cục Thuế thành phố Hải Phòng.

Nhìn chung, thuế TNDN có đóng góp quan trọng cho ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, Hải Phòng là thành phố cảng có quy mô dân số đô thị và số lượng doanh nghiệp khá lớn nhưng mức thu thuế TNDN trên địa bàn còn chưa tương xứng, cho thấy có dấu hiệu của sự thất thu thuế TNDN. Để làm rõ vấn đề này, Luận án tiếp tục đi sâu nghiên cứu thực trạng các hành vi gian lận thuế và trốn thuế gây thất thu thuế TNDN trên địa bàn thành phố Hải Phòng trong những năm vừa qua.

## **3.2. THỰC TRẠNG THẤT THU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG GIAI ĐOẠN 2014 - 2019**

Hải Phòng là thành phố cảng quan trọng, trung tâm công nghiệp, cảng biển lớn nhất phía Bắc Việt Nam, đồng thời cũng là trung tâm kinh tế, văn hóa, y tế, giáo dục, khoa học, thương mại và công nghệ của vùng duyên hải Bắc Bộ. Chính vì vậy nên các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải biển, xuất nhập khẩu, logistics trên địa bàn thành phố ngày càng phát triển về số lượng và quy mô. Các doanh nghiệp này không những góp phần vào việc tăng thu cho ngân sách nhà nước, tạo việc làm cho người lao động mà còn là loại hình doanh nghiệp đặc trưng cơ bản, đóng vai trò quan trọng trong các lĩnh vực ngành nghề kinh tế trên địa bàn Hải Phòng. Vì vậy, khi đánh giá thực trạng thất thu thuế và chống thất thu thuế TNDN của Hải Phòng, Luận án có đề cập thêm về loại hình doanh nghiệp này. Để thấy rõ hơn về thực trạng thất thu thuế TNDN ở Hải Phòng, cần tìm hiểu cụ thể việc thất thu thuế TNDN theo các nội dung sau đây:

### **3.2.1. Thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp về căn cứ tính thuế**

- Thất thu thuế TNDN do xác định sai doanh thu để tính thu nhập chịu thuế.
- Thất thu thuế TNDN do xác định sai chi phí được trừ khi tính thuế TNDN.
- Thất thu thuế TNDN do xác định sai thu nhập khác.

### **3.2.2. Thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp về ưu đãi thuế**

### **3.2.3. Thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp qua việc nợ đọng thuế**

## **3.3. THỰC TRẠNG CHỐNG THẤT THU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG GIAI ĐOẠN 2014 – 2019**

### **3.3.1. Thực trạng chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp qua tuyên truyền, hỗ trợ về thuế**

### **3.3.2. Thực trạng chống thất thu thu nhập doanh nghiệp qua quản lý kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp**

### **3.3.3. Thực trạng chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp qua quản lý nợ thuế**

### **3.3.4. Thực trạng chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp qua thanh tra, kiểm tra thuế**

## **3.4. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG CHỐNG THẤT THU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

### **3.4.1. Những kết quả đạt được**

#### **3.4.1.1. Những kết quả chung**

Có thể nói công tác chống thất thu thuế TNDN trên địa bàn thành phố Hải Phòng đã đạt được những kết quả rất khả quan và có bước chuyển biến tích cực. Mặc dù đã phát sinh nhiều khó khăn, thách thức nhưng Cục Thuế thành phố Hải Phòng luôn cố gắng phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu thu so với pháp lệnh

qua từng năm. Bên cạnh đó, nhận thức về nghĩa vụ tuân thủ thuế của người nộp thuế đã có những chuyển biến rõ rệt theo hướng tích cực, đa số người nộp thuế đã tuân thủ các nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật. Vì vậy mà những kết quả trong công tác chống thất thu thuế TNDN trong giai đoạn 2014 – 2019 tại Cục Thuế thành phố Hải Phòng là rất đáng ghi nhận, tạo môi trường thuận lợi để các doanh nghiệp tiến hành sản xuất kinh doanh thuận lợi và đóng góp tăng thu cho ngân sách.

### **3.4.1.2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ quản lý thuế theo chức năng**

#### **a. Công tác tuyên truyền và hỗ trợ người nộp thuế**

- Thường xuyên nâng cao chất lượng phục vụ người nộp thuế theo chỉ đạo của Tổng cục Thuế;

- Đa dạng hoá hình thức tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế;
- Triển khai tốt và duy trì thường xuyên về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

#### **b. Công tác quản lý kê khai và kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp**

- Triển khai thực hiện cấp mã số thuế theo hướng dẫn;
- Mở rộng việc áp dụng hỗ trợ kê khai thuế và nộp thuế điện tử trong công tác quản lý thuế;
- Tổ chức thực hiện tốt công tác kế toán đối với người nộp thuế;
- Thường xuyên rà soát thông báo doanh nghiệp điều chỉnh các khoản nộp nhằm tài khoản nộp ngân sách hoặc nhằm mục lục ngân sách, đơn đốc đối chiếu, gửi xác nhận tình hình kê khai, thanh toán ngân sách nhà nước.

#### **c. Công tác quản lý nợ thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thực hiện xây dựng và triển khai kế hoạch thu nợ thuế TNDN theo đúng quy trình quản lý thuế.

#### **d. Công tác thanh tra, kiểm tra thuế thu nhập doanh nghiệp**

Có thể kể đến kết quả đạt được của công tác kiểm tra, thanh tra chống thất thu thuế TNDN trong thời gian vừa qua như sau:

- Về công tác lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra: Tiên bộ nổi bật của công tác lập kế hoạch thanh tra là từ năm 2012, Cục Thuế thành phố Hải Phòng đã triển khai ứng dụng tin học để áp dụng tính điểm rủi ro trên cơ sở khai thác toàn bộ dữ liệu của người nộp thuế trên địa bàn quản lý.

- Về việc thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra: Với chỉ đạo quyết liệt và triển khai đồng bộ, công tác thanh, kiểm tra thuế đã có những chuyển biến tích cực. Việc tập trung thanh tra, kiểm tra theo các chuyên đề chuyên sâu đã nhận dạng được các hình thức, thủ đoạn gian lận, xử lý hành vi vi phạm đối với từng lĩnh vực, chấn chỉnh kịp thời việc kê khai thuế của các doanh nghiệp thuộc lĩnh

vực đã thanh tra, kiểm tra.

- Về kết quả công tác thanh tra chống chuyển giá: Việc tăng cường thanh tra chống chuyển giá đã bước đầu tạo tác động đến các doanh nghiệp, theo đó, một số doanh nghiệp đã tự điều chỉnh hạch toán để giảm lỗ và có phát sinh thu nhập chịu thuế... góp phần tích cực trong việc nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của người nộp thuế, chống thất thu ngân sách nhà nước. Qua công tác thanh tra đã phát hiện các hình thức chuyển giá thông qua hoạt động giao dịch liên kết điển hình.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được nói trên, công tác chống thất thu thuế nói chung và công tác chống thất thu thuế TNDN trên địa bàn thành phố Hải Phòng nói riêng vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định.

### 3.4.2. Hạn chế trong hoạt động chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp

Có thể kể đến một số hạn chế cơ bản vẫn còn tồn tại trong công tác chống thất thu thuế TNDN như sau:

*Thứ nhất*, giữa các bộ phận trong nội bộ cơ quan thuế Hải Phòng chưa có sự phối hợp chặt chẽ và đồng bộ; *Thứ hai*, công tác tuyên truyền, hỗ trợ của cơ quan thuế vẫn còn nhiều khó khăn; *Thứ ba*, công tác quản lý kê khai thuế của NNT còn bộc lộ nhiều vấn đề cần khắc phục; *Thứ tư*, công tác cưỡng chế, thu nợ thuế vẫn còn một số bất cập mặc dù Cục Thuế thành phố Hải Phòng đã áp dụng nhiều biện pháp để thu hồi nợ đọng, cưỡng chế thuế TNDN; *Thứ năm*, công tác thanh, kiểm tra thuế TNDN chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra.

### 3.4.3. Nguyên nhân các hạn chế của hoạt động chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2014 – 2019

#### 3.4.3.1. Nguyên nhân chủ quan

*Thứ nhất*, công tác chỉ đạo điều hành chưa thường xuyên liên tục.

*Thứ hai*, về cơ sở dữ liệu, ứng dụng công nghệ thông tin.

*Thứ ba*, về công tác phối hợp chưa đạt được hiệu quả cao với cơ quan công an và các đơn vị trong ngành.

*Thứ tư*, về mặt nhân lực.

#### 3.4.3.2. Nguyên nhân khách quan

*Thứ nhất*, về mặt chính sách, bao gồm chính sách thuế TNDN và các chính sách khác.

*Thứ hai*, về ý thức tuân thủ pháp luật của người nộp thuế.

*Thứ ba*, thói quen mua hàng của người tiêu dùng.

*Thứ tư*, những ảnh hưởng chung của nền kinh tế.

**Comment [QB1]:** Chỉ có 2 hạn chế thời à? Nên bổ sung thêm theo tất cả các nội dung chống thất thu.

**Comment [QB2]:** Lưu ý phân biệt rõ hạn chế và nguyên nhân. Nguyên nhân nên bám vào các nhân tố chủ quan ảnh hưởng đến chống thất thu đã nêu ở Chương 2.

**Comment [QB3]:** Khi phân tích về chính sách cần chỉ rõ các nội dung đó đã gây ra sự thất thu thuế TNDN hoặc gây khó khăn trong chống thất thu thuế TNDN như thế nào. Không nêu tình bất hợp lý chung chung vì như vậy sẽ không gắn với đề tài.

**CHƯƠNG 4****GIẢI PHÁP CHỐNG THẮT THU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG ĐẾN NĂM 2025, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030****4.1. DỰ BÁO KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2025 VÀ NHỮNG TÁC ĐỘNG ĐẾN CÔNG TÁC CHỐNG THẮT THU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG****4.1.1. Dự báo kinh tế – xã hội của Việt Nam đến năm 2025**

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam giai đoạn 2016 – 2020 đã đi gần hết chặng đường, dù còn nhiều khó khăn nhưng kinh tế Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả ấn tượng. Trong giai đoạn 2021 – 2025, nền kinh tế Việt Nam đang bước vào thời kỳ chuyển đổi quan trọng gắn với tái cơ cấu, chuyển đổi mô hình tăng trưởng và nâng cao khả năng cạnh tranh của nền kinh tế dựa trên các đột phá về thể chế, nguồn nhân lực, kết cấu hạ tầng và khoa học công nghệ với những thuận lợi và khó khăn đan xen. Đứng trước bối cảnh nền kinh tế thế giới đang chuyển sang kỷ nguyên số và công cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, Việt Nam đang tập trung cải cách nền kinh tế theo hướng đẩy mạnh đổi mới, sáng tạo, thúc đẩy sự phát triển của kinh tế ngoài nhà nước, cải cách môi trường kinh doanh, đảm bảo an sinh xã hội và phát triển bền vững.

*Về tăng trưởng kinh tế:* Dự báo trong giai đoạn 2021 – 2025, tốc độ tăng trưởng GDP Việt Nam sẽ được duy trì ở mức khá cao, khoảng 7% và vẫn phụ thuộc vào khu vực công nghiệp – xây dựng và dịch vụ, trong đó quan trọng là hai nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và ngành bán buôn, bán lẻ.

*Về vốn đầu tư cho nền kinh tế:* Việt Nam đang trở thành điểm sáng về thu hút vốn đầu tư FDI so với các quốc gia khác trong khu vực.

*Về xuất nhập khẩu:* Trong giai đoạn 2021 – 2025, tình hình xuất nhập khẩu dự báo sẽ tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng khá, đặc biệt là xuất khẩu sang thị trường Mỹ tăng mạnh trong bối cảnh thương mại quốc tế giảm sút.

*Về tiêu dùng dân cư:* Trong bối cảnh không có quá nhiều biến động từ bên ngoài, Chính phủ sẽ tiếp tục các chính sách bình ổn thị trường, dự báo tiêu dùng trong giai đoạn tới sẽ tiếp tục phát triển tích cực, tăng trưởng kinh tế cao nhờ tiêu dùng cao hơn.

Bên cạnh đó, một số khó khăn, thách thức cho kinh tế Việt Nam giai đoạn 2021 – 2025 có thể được dự báo là:

- Tăng trưởng vẫn chủ yếu phụ thuộc vào vốn, tỷ lệ vốn đầu tư/GDP vẫn ở

mức cao, đóng góp của nhân tố vốn trong tăng trưởng vẫn chiếm tỷ lệ lớn.

- Cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch quá nhanh sang khu vực dịch vụ trong khi nền tảng công nghiệp còn yếu.

- Việt Nam tiếp tục chịu tác động tiêu cực do kinh tế toàn cầu giảm tốc khi bảo hộ thương mại và xung đột thương mại gia tăng, xu hướng tự do hóa thương mại tiếp tục kéo dài.

- Trong nội tại nền kinh tế, các vấn đề mang tính cơ cấu như: mô hình tăng trưởng chưa thoát khỏi quán tính tăng trưởng theo chiều rộng; hiệu quả sử dụng vốn, đặc biệt là hiệu quả đầu tư công chưa cao; khả năng cạnh tranh yếu; năng lực đổi mới sáng tạo thấp là những cản trở cho việc duy trì tốc độ tăng trưởng bền vững trong thời gian tới.

#### **4.1.2. Những tác động của tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam đến công tác chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng**

*Một là*, thu nhập dân cư tăng lên có tác động tích cực đến việc giảm thất thu thuế TNDN.

*Hai là*, trình độ dân trí, hiểu biết pháp luật của người dân tăng lên giúp việc tuân thủ thuế tốt hơn, công tác chống thất thu thuế TNDN có hiệu quả hơn.

*Ba là*, công nghệ thông tin phát triển vừa tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát chấp hành pháp luật thuế cũng vừa đặt ra những thách thức không nhỏ trong việc ngăn ngừa những hành vi gian lận thuế TNDN.

*Bốn là*, hội nhập quốc tế gắn liền với việc du nhập cả những yếu tố tiến bộ góp phần quản lý thuế TNDN tốt hơn nhưng cũng xuất hiện những thủ đoạn gian lận thuế TNDN tinh vi, phức tạp hơn.

Bối cảnh kinh tế - xã hội có tác động cả mặt tích cực và tiêu cực đến việc chống thất thu thuế TNDN ở Việt Nam nói chung và ở Hải Phòng nói riêng. Xác định rõ những tác động đó để đưa ra các quan điểm và yêu cầu nhằm đề xuất các giải pháp chống thất thu thuế TNDN trên địa bàn thành phố Hải Phòng từ nay đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

#### **4.2. QUAN ĐIỂM, YÊU CẦU CHỐNG THẤT THU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Thất thu thuế TNDN mang tính phổ biến và do nhiều nguyên nhân gây ra. Không chỉ do những nguyên nhân từ phía những người nộp thuế và nguyên nhân của cán bộ, cơ quan thuế, mà còn do những nguyên nhân từ phía Nhà nước trong việc thiết kế hệ thống thuế. Cho nên, để chống thất thu thuế trên mọi phương diện đảm bảo công tác chống thất thu thuế đem lại hiệu quả cao, cần phải quản trị đầy đủ các quan điểm và yêu cầu cơ bản trong việc chống

thất thu thuế TNDN.

#### **4.2.1. Các quan điểm về chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng**

4.2.1.1. *Chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở pháp luật thuế, đảm bảo nguồn thu của ngân sách nhà nước và quyền lợi của người nộp thuế*

4.2.1.2. *Áp dụng đồng bộ các biện pháp chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp, đặc biệt là các phương pháp quản lý thuế hiện đại*

4.2.1.3. *Phát huy tổng hợp sức mạnh của các ngành, các cấp trong việc chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp*

4.2.1.4. *Thực hiện phù hợp với trình độ quản lý và điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương*

4.2.1.5. *Tăng cường và nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý thuế*

#### **4.2.2. Yêu cầu chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng**

*Thứ nhất*, chống thất thu thuế TNDN phải bảo đảm chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời.

*Thứ hai*, chống thất thu thuế TNDN phải giải quyết hài hòa các quan hệ lợi ích và công bằng xã hội.

*Thứ ba*, Nhà nước phải đảm bảo vai trò điều tiết vĩ mô nền kinh tế của mình cũng như tạo điều kiện và khuyến khích các doanh nghiệp làm giàu chính đáng để nộp thuế TNDN cho Nhà nước.

*Thứ tư*, chống thất thu thuế TNDN phải trên cơ sở phát huy dân chủ, tôn trọng và tuân thủ pháp luật và nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước.

#### **4.3. CÁC GIẢI PHÁP CHỐNG THẤT THU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG ĐẾN NĂM 2025, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030**

Đề có thể đạt được mục tiêu chống thất thu thuế nói chung và thuế TNDN nói riêng trên địa bàn thành phố Hải Phòng thì cần phải nghiên cứu thực hiện đồng bộ các giải pháp sau đây.

4.3.1. **Đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế**

4.3.2. **Tăng cường quản lý kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp**

4.3.3. **Tăng cường quản lý thu nộp, xử lý nợ đọng thuế thu nhập doanh nghiệp**

4.3.4. **Tăng cường thanh tra, kiểm tra thuế thu nhập doanh nghiệp**

4.3.5. **Đào tạo, nâng cao năng lực, trình độ và phẩm chất cho đội ngũ cán bộ thuế**

**Comment [QB4]:** GIẢI PHÁP VẪN CHƯA NỘI BÁT, CHƯA THẤY RÕ NÉT ĐẶC THÙ CỦA HẢI PHÒNG. EM NÊN ĐIỂN ĐẠT, BỔ SUNG THÊM.

#### **4.3.6. Phát triển dịch vụ thuế điện tử trong quản lý thuế hiện nay**

#### **4.3.7. Một số giải pháp khác**

##### *4.3.7.1. Tăng cường phối hợp trong công tác quản lý thuế*

*4.3.7.2. Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển hoạt động tư vấn thuế*

*4.3.7.3. Hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp*

Công tác chống thất thu thuế nói chung và chống thất thu thuế TNDN nói riêng là một nhiệm vụ phức tạp và nhiều khó khăn. Do vậy để công tác chống thất thu thuế TNDN đạt hiệu quả cao không thể chỉ áp dụng riêng biệt một giải pháp nào mà đòi hỏi cần phải kết hợp chặt chẽ các giải pháp nêu trên. Có như vậy thì công tác chống thất thu thuế TNDN mới có hiệu quả cao nhất. Trên đây là đề xuất một số giải pháp chống thất thu thuế TNDN ở góc độ một cơ quan thuế địa phương. Những giải pháp này có thể là những gợi ý hữu ích, điều kiện tiên đề quan trọng để cơ quan thuế Hải Phòng nghiên cứu triển khai thực hiện nhằm chống thất thu thuế TNDN.

#### **4.4. KIẾN NGHỊ**

Việc thực hiện các giải pháp cụ thể nói trên có hiệu quả cần đảm bảo những điều kiện nhất định. Đó là các điều kiện về chính sách pháp luật thuế, điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật, điều kiện về con người, điều kiện về môi trường pháp lý và đặc biệt là sự quan tâm, chỉ đạo, tạo điều kiện của các cơ quan đoàn thể và chính quyền đối với công tác thuế.

##### **4.4.1. Đối với Quốc hội**

##### **4.4.2. Đối với Chính phủ**

##### **4.4.3. Đối với Bộ Tài chính**

##### **4.4.4. Đối với Tổng cục Thuế**

##### **4.4.5. Đối với chính quyền địa phương**

**Tóm lại**, công tác quản lý thuế TNDN của ngành Thuế Hải Phòng trong điều kiện hiện nay đang dần được hoàn thiện để đảm bảo được yêu cầu về nguồn thu của ngân sách nhà nước và vai trò quản lý, điều tiết sản xuất kinh doanh, đảm bảo công bằng trong nghĩa vụ thuế. Việc thực hiện đồng bộ các giải pháp trên cơ sở các điều kiện nêu trên chắc chắn sẽ đáp ứng được yêu cầu đó. Tuy nhiên, với sự phát triển của nền kinh tế, sự gia tăng không ngừng số lượng người nộp thuế, yêu cầu ngày càng cao của công tác quản lý thuế trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế, rõ ràng công tác quản lý thuế TNDN phải không ngừng được nghiên cứu, bổ sung và hoàn thiện./.

## KẾT LUẬN

Chống thất thu thuế TNDN hiện nay ở Việt Nam nói chung và trên địa bàn thành phố Hải Phòng nói riêng là hoàn toàn cần thiết nhằm góp phần tăng thu cho ngân sách nhà nước, hạn chế các tiêu cực phát sinh trong công tác quản lý thu thuế TNDN và đảm bảo công bằng xã hội. Trong khuôn khổ một Luận án tiến sỹ, những đóng góp chủ yếu của Luận án có thể kể đến là:

*Thứ nhất*, Luận án đã hệ thống hoá và làm rõ những vấn đề lý luận về thuế TNDN và hoạt động chống thất thu thuế TNDN trong điều kiện kinh tế - xã hội hiện nay. Một trong những nội dung quan trọng của Luận án là đã làm rõ những vấn đề lý luận chung về thuế TNDN, thất thu thuế TNDN và hoạt động chống thất thu thuế TNDN.

*Thứ hai*, Luận án đã tham khảo nghiên cứu kinh nghiệm chống thất thu thuế TNDN ở một số nước trên thế giới như Úc, Singapore, Anh, Hàn Quốc, Pháp, Mỹ... trên cơ sở đó rút ra những bài học cho ngành Thuế Việt Nam nói chung và cơ quan thuế Hải Phòng nói riêng trong công tác chống thất thu thuế TNDN.

*Thứ ba*, Luận án đã phân tích thực trạng thất thu và chống thất thu thuế TNDN trên địa bàn thành phố Hải Phòng trong giai đoạn 2014 - 2019, trên cơ sở đó đánh giá thực trạng chống thất thu thuế, chỉ ra những kết quả đạt được, những hạn chế và nguyên nhân. Phương pháp nghiên cứu được thực hiện trên cơ sở tìm hiểu tình hình thực tế qua các báo cáo và số liệu thứ cấp kết hợp với việc thực hiện khảo sát thực tế đối với người nộp thuế và cán bộ thuế. Những nghiên cứu này của Luận án là cơ sở thực tiễn quan trọng nhằm đề xuất các giải pháp cần thiết để nâng cao hiệu quả của công tác chống thất thu thuế TNDN trong giai đoạn tới.

*Thứ tư*, trên một số quan điểm, mục tiêu, yêu cầu chống thất thu thuế TNDN trên địa bàn thành phố Hải Phòng, Luận án đã đề xuất các giải pháp cơ bản hướng đến mục tiêu nghiên cứu như: Đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế; tăng cường quản lý công tác kê khai thuế; tăng cường công tác quản lý thu nộp, xử lý nợ đọng thuế; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế; đào tạo, nâng cao năng lực, trình độ và phẩm chất cho đội ngũ cán bộ thuế; phát triển dịch vụ thuế điện tử trong quản lý thuế hiện nay... Đồng thời phải tăng cường phối hợp trong công tác quản lý thuế, khuyến khích tạo điều kiện thuận lợi để phát triển hoạt động tư vấn thuế, hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thuế.

*Thứ năm*, Luận án cũng đề xuất một số kiến nghị nhằm thực thi có hiệu quả các giải pháp nêu trên.

Trong bối cảnh hiện nay, các giải pháp Luận án đưa ra là tương đối phù hợp. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nói trên sẽ góp phần to lớn vào công cuộc cải cách, hoàn thiện chính sách thuế và công tác quản lý thuế, nâng cao hiệu quả công tác chống thất thu thuế TNDN ở Việt Nam nói chung và trên địa bàn thành phố Hải Phòng nói riêng trong thời gian tới.

### **CÁC CÔNG TRÌNH TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ**

- [1] Tô Văn Tuấn (2019), “Quản lý tuân thủ và quản lý rủi ro trong quản lý thuế”, Tạp chí Tài chính, Kỳ 2 – Tháng 10/2019 (715).
- [2] Tô Văn Tuấn (2019), “Nhận diện các hành vi gian lận thuế thu nhập doanh nghiệp phổ biến hiện nay”, Tạp chí Nghiên cứu Tài chính Kế toán, số 10 (195) 2019.
- [3] Tô Văn Tuấn (2019), “Tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế nhằm nâng cao hiệu quả quản lý thuế”, Đặc san Phát triển Kinh tế - Xã hội, số 5 – Tháng 10/2019.